

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2017/DS-ST
Ngày 12/10/2017
V/v “Kiện đòi tài sản.”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1./Bà Trịnh Thị Oanh.

2./ Ông Nguyễn Đình Nghịch.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Chu Anh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: ông Y Dim K Buôr – Kiểm sát viên.

Ngày 12/10/2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2017/TLST-DS ngày 25/4/2017 về việc: “*Kiện đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2017/QĐST-DS ngày 18/9/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2017/QĐST-DS, ngày 03/10/2017 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị T; Sinh năm: 1969

Địa chỉ: Thôn P1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

+ *Bị đơn:* Bà Trần Thị Thanh T1; Sinh năm: 1964. (Vắng mặt)

Ông Thiệu Văn Q (tên gọi khác Thiệu Văn Q1); Sinh năm 1966. (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: P2, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ: Thôn P3, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2017 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Ngô Thị T trình bày:

Trước năm 2013 bà Trần Thị Thanh T1 có vay của tôi số tiền 2.000.000đ, đến ngày 12/12/2013, ông Thiệu Văn Q và vợ là bà Trần Thị Thanh T1 lại vay

của tôi số tiền là 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*). Khi nhận tiền thì bà T1 và ông Q có viết biên nhận cho tôi giữ. Đồng thời bà T1 có viết vào góc của giấy biên nhận số tiền 2.000.000đ mà trước đó bà T1 đã mượn của tôi. Bà T1 ông Q hẹn đến 12/3/2014 trả đủ hai khoản tiền trên cho tôi. Đến ngày 14/12/2014, bà Trần Thị Thanh T1 tiếp tục mượn của tôi số tiền là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), hẹn trả vào ngày 14/02/2015. Khi vay các khoản tiền nói trên, ông Thiều Văn Q và bà Trần Thị Thanh T1 không thể chấp tài sản gì cho tôi cả. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng và trả cả gốc lẫn lãi một lần bằng tiền mặt. Tuy nhiên khi đến hạn trả nợ bà T1 và ông Q không trả cho tôi được bất kỳ khoản tiền nào cả. Tôi đã đòi nhiều lần nhưng bà T1 ông Q không có thiện chí trả nợ. Việc bà T1 ông Q không trả nợ cho tôi làm ảnh hưởng đến quyền lợi của tôi. Vì vậy tôi nộp đơn khởi kiện đến để yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Thanh T1, ông Thiều Văn Q phải chịu trách nhiệm trả cho tôi số tiền nợ là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*), ngoài ra tôi không yêu cầu gì khác.

Ngày 03/8/2017 Bà Ngô Thị T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay 2.000.000đ. Bà T chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Thanh T1, ông Thiều Văn Q phải chịu trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ là 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*) ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- *Tại bản tự khai ngày 24/7/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Trần Thị Thanh T1 trình bày:*

Tôi thừa nhận vào ngày 12/12/2013, tôi và chồng tôi (ông Thiều Văn Q) có viết giấy vay của bà Ngô Thị T số tiền 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*). Tôi chỉ ký dưới chữ ký Thiều Văn Q chồng tôi. Tuy nhiên, đối với số tiền 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*) này là bao gồm 2.300.000đ (*Hai triệu ba trăm nghìn đồng*) tiền vay gốc mà tôi vay của bà Ngô Thị T vào khoảng năm 2006-2007, còn số tiền còn lại là tiền lãi. Bà T viết và bảo vợ chồng tôi ký vào chữ trên thực tế vợ chồng tôi không nhận tiền. Đến ngày 14/12/2014, tôi có ký vào Giấy mượn tiền với số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), hẹn trả vào ngày 14/02/2015. Lần này, tôi cũng không nhận tiền mà số tiền này cũng là tiền lãi. Tôi không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình. Nay bà Ngô Thị T khởi kiện vợ chồng tôi ra Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc yêu cầu vợ chồng tôi trả số tiền nợ gốc là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*). Tôi chấp nhận trả cho bà Ngô Thị T số tiền là 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*) và tôi xin được trả dần cho bà T.

Đối với số tiền 2.000.000đ tôi không hề nợ bà T, tôi không viết, không ký tên vào số tiền này, nên tôi đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và Hòa giải. Tuy nhiên ông Thiều Văn Q không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia các phiên họp và phiên hòa giải, nên Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận:

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn bà Ngô Thị T yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bà Trần Thị Thanh T1, ông Thiều Văn Q phải chịu trách nhiệm trả cho tôi số tiền 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*), ngoài ra bà T không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Trần Thị Thanh T1, ông Thiều Văn Q vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn bà Trần Thị Thanh T1, ông Thiều Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt phiên tòa là vi phạm các Điều 70, 72, 227 BLTTDS. Thành phần Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử

Về nội dung: Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217, Điều 218, Điều 219 Điều 228 của BLTTDS; Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2005; Điều 688 BLDS năm 2015 đề nghị HĐXX tuyên:

- Chấp nhận một phần câu khởi kiện của bà Ngô Thị T. Buộc bà Trần Thị Thanh T1, ông Thiều Văn Q phải chịu trách nhiệm trả cho bà T số tiền 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T đối với số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1]. Xét về hình thức: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Ngô Thị T lập ngày 13/4/2017, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Kiện đòi tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Tại thời điểm bà Ngô Thị T khởi kiện, bị đơn ông Thiều Văn Q và bà Trần Thị Thanh T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa lần thứ nhất bị đơn bà Trần Thị Thanh T1, ông Thiều Văn Q vắng mặt không có lý do, nên HĐXX đã quyết định hoãn phiên tòa và tổng đạt Quyết định Hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Trần Thị Thanh T1, ông Thiều Văn Q. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Trần Thị Thanh T1, ông Thiều Văn Q vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Trần Thị Thanh T1, ông Thiều Văn Q.

[2]. Xét về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị T yêu cầu bà Trần Thị Thanh T1, ông Thiều Văn Q phải trả cho bà Ngô Thị T số tiền 13.000.000đ. HĐXX xét thấy: Việc ông Q bà T1 vay của bà T 13.000,000đ được thể hiện qua Giấy mượn tiền ngày 12/12/2013 và Giấy mượn tiền ngày 14/12/2014 là đúng thực tế. Khi xác lập hợp đồng vay đề ngày 12/12/2013 hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 12 tháng 3 năm 2014; khi xác lập hợp đồng vay đề ngày 14/12/2014 hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 14 tháng 02 năm 2015. Căn cứ Điều 427 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì thời hiệu khởi kiện là 02 (Hai) năm tính từ khi bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày bà Ngô Thị T làm đơn khởi kiện (ngày 13/4/2017) để buộc ông Q bà T1 phải có nghĩa vụ trả số tiền 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*) đã hết thời hiệu khởi kiện nêu trên. Tuy nhiên, Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *“Chủ sở hữu, người chiếm hữu hợp pháp có quyền yêu cầu người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật đối với tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc quyền chiếm hữu hợp pháp của mình phải trả lại tài sản đó, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 247 của Bộ luật này. Trong trường hợp tài sản đang thuộc sự chiếm hữu của người chiếm hữu ngay tình thì áp dụng Điều 257 và Điều 258 của Bộ luật này”*.

Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị Thanh T1 luôn khẳng định bà và ông Q chỉ mượn của bà T số tiền nợ gốc là 2.300.000đ nhưng do không trả được cả gốc và lãi nên bà T cộng cả gốc và lãi sau đó bắt bà và ông Q phải ký nhận vào giấy mượn tiền do bà T viết sẵn. Tuy nhiên, bà T1 không có bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh việc bà và ông Q bị bà T ép buộc ký tên vào giấy mượn tiền mà bà T dùng để khởi kiện bà T1 và ông Q. Vì vậy, HĐXX xét thấy lời trình bày của bà T1 không có căn cứ pháp lý nên không được chấp nhận. Tuy trong quá trình giải quyết vụ án ông Thiều Văn Q không có mặt tại Tòa án, song theo lời khai của bà T1 thì chữ ký trong giấy mượn tiền mà bà T dùng để khởi kiện bà và ông Q là do bà và ông Q viết và ký tên bên phía người vay. Như vậy, tuy ông Thiều Văn Q không tham gia tố tụng, nhưng căn cứ vào lời khai của bà Trần Thị Thanh T1 và căn cứ vào giấy mượn tiền mà bà T cung cấp tại Tòa án có đủ cơ sở để khẳng định bà Trần Thị Thanh T1 và ông Thiều Văn Q vay của bà Ngô Thị T số tiền 13.000.000 đồng là hoàn toàn đúng thực tế. Khi quá hạn thanh toán bà T đã nhiều lần yêu cầu bà T1 ông Q có trách nhiệm thanh toán nợ nhưng bà T1 ông Q không chịu thanh toán. Như vậy, bà T1 ông Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Tại Điều 474 quy định như sau:

“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Xét thấy bà Ngô Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Thiều Văn Q và bà Trần Thị Thanh T1 phải có nghĩa vụ trả số tiền 13.000.000 là hoàn toàn có đầy đủ cơ sở pháp lý. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 256 Điều 427 Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 23 của Nghị quyết số

03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Thiệu Văn Q và bà Trần Thị Thanh T1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị T số tiền 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ngoài ra trong đơn khởi kiện, bà Ngô Thị T yêu cầu ông Q và bà T1 hoàn trả cho bà T số tiền 15.000.000đ, tuy nhiên trong quá trình Tòa án giải quyết bà T đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 2.000.000đ và chỉ yêu cầu HĐXX buộc ông Q và bà T1 trả số tiền 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*). Xét thấy việc bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 2.000.000đ là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX áp dụng Điều 217, Điều 218, Điều 219 và Điều 244 của BLTTDS Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 2.000.000đ là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Về án phí: Do HĐXX tuyên buộc ông Thiệu Văn Q và bà Trần Thị Thanh T1 phải trả cho bà Ngô Thị T số tiền 13.000.000đ. Do vậy, cần áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016 ngày 31/12/2016. Buộc ông Thiệu Văn Q và bà Trần Thị Thanh T1 phải chịu 650.000đ tiền án phí DSST. Mức tính như sau $13.000.000đ \times 5\% = 650.000đ$. (*Sáu trăm năm mươi nghìn đồng*)

Hoàn trả lại cho bà Ngô Thị T 375.000đ (*Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện K tỉnh Đắk Lắk ngày 17/4/2017 theo biên lai thu số AA/2014/0042824.

Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 227, Điều 228 và Điều 244 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 256 Điều 427 Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH -14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T. Buộc bà Trần Thị Thanh T1 và ông Thiệu Văn Q (còn gọi là Q1) phải trả cho bà Ngô Thị T số tiền 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)

- Về án phí: Buộc bà Trần Thị Thanh T1 và ông Thiều Văn Q phải chịu 650.000đđ (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí DSST.

Hoàn trả lại cho bà Ngô Thị T 400.000đ tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc tỉnh Đắk Lắk ngày 17/4/2017 theo biên lai thu số AA/2014/0042824.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Thi hành án huyện K;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền